

Số: 65 /2011/TTLT-BGDĐT-BTC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg
ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một
số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú;

Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú như sau:

Điều 1. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ

1. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở bán trú đang học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở công lập khác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do nhà ở xa trường, địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được xét duyệt theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành theo Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định cụ thể tại Điều 2 của thông tư này.

2. Trường phổ thông dân tộc bán trú được thành lập theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành theo Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Điều kiện xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Đối với trường hợp nhà ở xa trường: khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 4 km trở lên đối với học sinh cấp tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh cấp trung học cơ sở.

2. Đối với trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: học sinh đi học phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá, tùy điều kiện thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND cấp tỉnh) quy định cụ thể số km và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày cho từng cấp học.

3. Căn cứ các quy định tại khoản 1 điều này và quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) phê duyệt danh sách học sinh bán trú được phép ở lại trường để học tập trong tuần do không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

Điều 3. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo gồm:

- Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

- Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);

- Quyết định số 113/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã hoàn thành mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa giai đoạn 1995-2005, bổ sung các xã, thôn, bản vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II và các xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo vào diện đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010;

- Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

- Quyết định số 1105/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

- Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững tại 62 huyện nghèo;

- Các quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế danh sách các xã đặc biệt khó khăn (nếu có).

2. Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp,... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn, gồm:

- Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

- Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

- Các quyết định khác của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế danh sách các thôn đặc biệt khó khăn (nếu có).

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Đối với học sinh bán trú

a) Hỗ trợ tiền ăn: mỗi tháng học sinh bán trú được hỗ trợ tiền ăn bằng 40% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn căn cứ vào thời gian thực tế học bán trú của học sinh theo quy định;

b) Hỗ trợ nhà ở: học sinh bán trú được ở trong khu bán trú của nhà trường; đối với những học sinh phải tự lo chỗ ở, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở căn cứ vào thời gian học thực tế của học sinh theo quy định.

2. Đối với trường phổ thông dân tộc bán trú

a) Được bổ sung kinh phí chi thường xuyên hàng năm với mức 100.000 đồng/học sinh bán trú/năm để mua sắm, sửa chữa dụng cụ thể dục thể thao và phương tiện phục vụ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cho học sinh bán trú;

b) Được bổ sung kinh phí chi thường xuyên hàng năm với mức 50.000đ/học sinh bán trú/năm học để lập tủ thuốc dùng chung cho học sinh bán trú;

c) Được hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở, nhà bếp, phòng ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh, nước sạch và các thiết bị kèm theo cho học sinh bán trú được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế trường học hiện hành.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương thức cấp kinh phí hỗ trợ tiền ăn và hỗ trợ tiền ở

1. Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ gồm:

a) Danh sách học sinh bán trú mới được UBND cấp huyện phê duyệt trong năm học;

b) Danh sách học sinh bán trú đang học tại trường đã được UBND cấp huyện phê duyệt từ các năm học trước và đang tiếp tục học bán trú trong năm học;

c) Đơn đề nghị hỗ trợ tiền nhà ở của học sinh có xác nhận của nhà trường đối với học sinh bán trú phải tự lo chỗ ở (mẫu đơn theo phụ lục kèm theo).

2. Trình tự, thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ được quy định như sau:

a) Các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông công lập ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có học sinh được xét duyệt là học sinh bán trú yêu cầu các em phải tự lo chỗ ở, viết đơn đề nghị hỗ trợ tiền nhà ở theo mẫu đơn quy định tại Thông tư này.

b) Căn cứ danh sách học sinh bán trú đang học tại trường đã được UBND cấp huyện phê duyệt và đơn đề nghị hỗ trợ tiền nhà ở của học sinh bán trú phải tự lo chỗ ở, nhà trường lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí gửi phòng giáo dục và đào tạo thẩm định.

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của nhà trường, phòng giáo dục và đào tạo thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng và thông báo kết quả thẩm định để các cơ sở giáo dục thực hiện chi trả.

3. Phương thức hỗ trợ:

a) Việc chi trả kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú được chi trả hàng tháng. Tùy theo điều kiện cụ thể, nhà trường quyết định việc tổ chức nấu ăn cho các em hoặc chi trả tiền mặt cho các em cho phù hợp (khuyến khích cơ sở giáo dục tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh);

b) Việc chi trả kinh phí hỗ trợ nhà ở (đối với học sinh tự lo chỗ ở) được cấp phát trực tiếp bằng tiền mặt cho học sinh. Việc chi trả này thực hiện 2 lần/năm học: lần 1 cấp vào tháng 9, lần 2 cấp vào tháng 1 năm sau.

Điều 6. Trình tự, phương thức cấp kinh phí hỗ trợ đối với trường phổ thông dân tộc bán trú

1. Kinh phí hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị:

Các trường phổ thông dân tộc bán trú căn cứ nhu cầu thực tế của nhà trường, lập dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị theo quy định, gửi phòng giáo dục và đào tạo tổng hợp vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Kinh phí hỗ trợ mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ phục vụ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và lập tủ thuốc dùng chung cho học sinh bán trú:

Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường phổ thông công lập khác có học sinh bán trú căn cứ số lượng học sinh bán trú theo danh sách được UBND cấp huyện phê duyệt để lập dự toán kinh phí hỗ trợ, gửi phòng giáo dục và đào tạo thẩm định để gửi cơ quan tài chính tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của địa

phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và giao trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các trường.

Điều 7. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền ở cho học sinh bán trú và kinh phí hỗ trợ trường phổ thông dân tộc bán trú để mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ phục vụ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hỗ trợ lập tủ thuốc dùng chung cho học sinh bán trú được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm của các địa phương.

2. Kinh phí thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho trường phổ thông dân tộc bán trú bao gồm xây dựng nhà ở, nhà bếp, phòng ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh, công trình nước sạch và các thiết bị kèm theo được bố trí từ nguồn ngân sách xây dựng cơ bản hàng năm của địa phương; kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo; kinh phí lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và huy động từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

3. Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nói trên cho các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương. Các địa phương còn lại chủ động tự cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

Điều 8. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Việc lập, phân bổ dự toán kinh phí được thực hiện đồng thời với thời điểm lập, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm tại địa phương theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Các trường có đối tượng học sinh bán trú được hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền ở và các trường phổ thông dân tộc bán trú được nhà nước hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị theo quy định tại thông tư này chịu trách nhiệm lập dự toán, thực hiện việc quản lý, sử dụng chi trả kinh phí hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí với ngân sách Nhà nước theo đúng các quy định hiện hành.

3. Cơ quan tài chính, kế hoạch các cấp có trách nhiệm bảo đảm kinh phí hỗ trợ, hướng dẫn quản lý và kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách qua Kho bạc Nhà nước.

5. Hàng năm, UBND cấp tỉnh căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước; văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước; văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng kế hoạch kinh phí, tổng hợp vào kế hoạch chung của địa phương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng thời gian báo cáo kế hoạch Nhà nước hàng năm.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 6 tháng 02 năm 2012.

2. Chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú quy định tại Thông tư này được tính hưởng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

3. Việc thực hiện chính sách phải đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng thời gian, đúng nội dung hỗ trợ và lồng ghép với các chính sách khác có cùng nội dung, mục tiêu đang thực hiện trên địa bàn.

Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này nếu có nhiều mức hỗ trợ cho cùng một chính sách thì học sinh bán trú chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện thông tư này.

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư liên tịch này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, giải quyết.

KT.BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THỨ TRƯỞNG

KT.BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

KT.BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỨ TRƯỞNG

Đã kí

Đã kí

Đã kí

Nguyễn Thế Phương

Nguyễn Thị Minh

Nguyễn Thị Nghĩa

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;
- Website Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;
- Lưu: Bộ GD&ĐT (VT, Vụ PC), Bộ TC (VT, Vụ HCSN); Bộ KH&ĐT (VT, Vụ PC).

